



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-39

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương tiền thân là Công ty Mía đường Sơn Dương được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 3498/QĐ - BNN - ĐMND ngày 14 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5000122053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Ngụy Như Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Văn Thị Quỳnh Nga	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Hồng Minh - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 09 năm 2025

Số: 050925.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương được lập ngày 05 tháng 09 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được xác nhận số dư tiền gửi ngân hàng với số tiền 0,16 tỷ đồng; số dư các khoản công nợ phải thu ngắn hạn, người mua trả tiền trước ngắn hạn và phải trả người bán ngắn hạn với số dư tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 lần lượt là 24,37 tỷ đồng, 3,62 tỷ đồng và 22,97 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán phù hợp liên quan đến số dư các khoản tiền gửi ngân hàng và công nợ trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan đến các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này tới các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

2. Do được Công ty bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 nên chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty với giá trị lần lượt là 0,73 tỷ đồng và 72,05 tỷ đồng tại thời điểm này. Chúng tôi cũng đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty với giá trị lần lượt là 0,42 tỷ đồng và 20,24 tỷ đồng tại ngày 01 tháng 01 năm 2024. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế đã thực hiện, chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán phù hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu đối với số dư tiền mặt và hàng tồn kho tại các thời điểm trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này tới các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, trên Bảng cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn số tiền 589,16 tỷ đồng, lũy kế là 481,26 tỷ đồng làm Vốn chủ sở hữu âm 236,02 tỷ đồng, một số khoản vay và nợ đã quá hạn thanh toán. Những dấu hiệu này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đối với thông tin về công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó, từ khi được thành lập cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, công ty con vẫn chưa hoạt động và Công ty cũng chưa góp vốn vào công ty con này.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Điểm d, đ Khoản 1 Điều 34 Luật Chứng khoán 2019, Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2025-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		162.219.121.551	89.189.442.441
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.076.115.631	854.400.162
111	1. Tiền		18.076.115.631	854.400.162
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		67.203.891.424	68.093.376.006
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	15.068.310.716	22.980.716.158
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	10.576.684.961	10.519.857.929
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	48.334.984.300	41.144.161.669
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.035.409.333	770.095.874
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.811.497.886)	(7.321.455.624)
140	IV. Hàng tồn kho	9	72.052.210.908	20.241.666.273
141	1. Hàng tồn kho		72.052.210.908	20.241.666.273
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.886.903.588	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4.886.903.588	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		476.993.555.284	541.353.389.346
220	II. Tài sản cố định		474.353.555.284	534.379.234.502
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	467.987.833.549	527.856.541.435
222	- Nguyên giá		1.214.406.004.757	1.214.406.004.757
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(746.418.171.208)	(686.549.463.322)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	6.365.721.735	6.522.693.067
228	- Nguyên giá		8.602.310.834	8.602.310.834
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.236.589.099)	(2.079.617.767)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	4.274.154.844
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	4.274.154.844
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.640.000.000	2.700.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.640.000.000	2.700.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		639.212.676.835	630.542.831.787

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNGThôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		875.236.220.783	808.463.456.241
310	I. Nợ ngắn hạn		751.381.220.783	669.800.456.241
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	223.362.847.063	208.942.256.488
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	82.897.801.744	16.842.266.432
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.197.100.559	935.871.416
314	4. Phải trả người lao động		1.990.117.556	1.349.049.911
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	138.453.497.854	120.736.338.506
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	77.865.442.777	76.214.760.258
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	216.915.438.269	235.983.438.269
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		79.936.500	79.936.500
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.619.038.461	8.716.538.461
330	II. Nợ dài hạn		123.855.000.000	138.663.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	123.855.000.000	138.663.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(236.023.543.948)	(177.920.624.454)
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	(236.041.055.748)	(177.938.136.254)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		128.449.740.000	128.449.740.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		128.449.740.000	128.449.740.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(314.470.000)	(314.470.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		117.087.000.000	117.087.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(481.263.325.748)	(423.160.406.254)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(423.160.406.254)	(309.427.663.195)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(58.102.919.494)	(113.732.743.059)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		17.511.800	17.511.800
431	1. Nguồn kinh phí		17.511.800	17.511.800
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		639.212.676.835	630.542.831.787


Tổng Xuân Dũng
 Người lập


Nguyễn Tiến Thành
 Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Minh
 Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 09 năm 2025

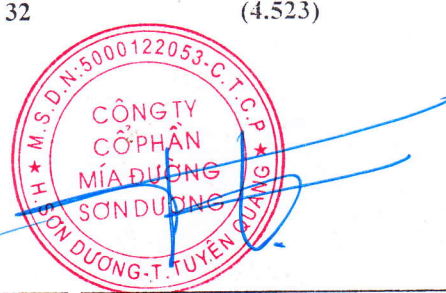
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNGThôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	249.483.027.323	166.253.603.251
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-	30.760.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		249.483.027.323	166.222.843.251
11	4. Giá vốn hàng bán	24	268.006.699.644	217.194.150.477
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(18.523.672.321)	(50.971.307.226)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	626.822.053	576.340.702
22	7. Chi phí tài chính	26	27.070.314.501	54.217.708.858
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		26.589.288.202	42.930.817.789
25	8. Chi phí bán hàng	27	1.342.350.946	456.113.902
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	11.841.494.348	8.726.307.102
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(58.151.010.063)	(113.795.096.386)
31	11. Thu nhập khác	29	422.425.272	74.302.661
32	12. Chi phí khác	30	374.334.703	11.949.334
40	13. Lợi nhuận khác		48.090.569	62.353.327
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(58.102.919.494)	(113.732.743.059)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(58.102.919.494)	(113.732.743.059)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(4.523)	(8.854)


Tổng Xuân Dũng
 Người lập


Nguyễn Tiến Thành
 Kế toán trưởng


Nguyễn Hồng Minh
 Tổng Giám đốc


Tuyên Quang, ngày 05 tháng 09 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(58.102.919.494)	(113.732.743.059)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		60.025.679.218	60.355.433.395
03	- Các khoản dự phòng		490.042.262	276.434.053
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		175.711.230	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(626.822.053)	(576.340.702)
06	- Chi phí lãi vay		26.589.288.202	42.930.817.789
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.550.979.365	(10.746.398.524)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.590.264.951	21.380.462.073
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(51.810.544.635)	22.197.951.894
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		82.496.498.842	(20.338.010.926)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(552.748.744)	2.726.078.833
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.515.233.732)	(150.218.476)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(97.500.000)	(34.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.661.716.047	15.035.864.874
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(40.004.094.063)	(32.282.719.927)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.813.271.432	24.631.661.862
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		626.822.053	576.340.702
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.564.000.578)	(7.074.717.363)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(33.876.000.000)	(12.667.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(33.876.000.000)	(12.667.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.221.715.469	(4.705.852.489)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		854.400.162	5.560.252.651
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	18.076.115.631	854.400.162

Tổng Xuân Dũng
Người lập

Nguyễn Tiến Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 09 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương tiền thân là Công ty Mía đường Sơn Dương được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 3498/QĐ - BNN - ĐMND ngày 14 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5000122053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 24 tháng 03 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 128.449.740.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 128.449.740.000 đồng; tương đương 12.844.974 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 164 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 154 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh mía đường;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ, chi tiết: Sản xuất phân bón;
- Sản xuất điện sinh khối.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2024, hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những tín hiệu tích cực dù vẫn còn đang gặp nhiều khó khăn. Sự nỗ lực của Công ty trong việc mở rộng trở lại vùng nguyên liệu cùng với yếu tố thuận lợi của thời tiết đã giúp sản lượng mía đầu vào tăng đáng kể. Điều này làm cho doanh thu bán các sản phẩm đường tăng mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, hoạt động của Nhà máy Điện sinh khối mía đường Tuyên Quang gặp nhiều khó khăn khi liên tục bị gián đoạn do các vấn đề về kỹ thuật và tình trạng thiếu hụt nguyên vật liệu đầu vào để vận hành. Bên cạnh đó, Công ty vẫn phải tiếp tục ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định và lãi vay phát sinh trong năm. Những yếu tố trên đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh và khiến Công ty tiếp tục ghi nhận lỗ trong năm 2024.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, trên Bảng cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn số tiền 589,16 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 481,26 tỷ đồng làm Vốn chủ sở hữu âm 236,02 tỷ đồng, một số khoản vay và nợ đã quá hạn thanh toán. Trong năm 2024, Công ty tiếp tục tạm dừng sản xuất tại Nhà máy đường Tuyên Quang, chỉ tập trung sản xuất tại Nhà máy đường Sơn Dương. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang được Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần (công ty mẹ) hàng năm bao tiêu phần lớn sản phẩm đường đầu ra và công ty mẹ cũng là bên tài trợ nguồn vốn vay lớn cho hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, việc giá đường hiện đang duy trì ở mức cao và vùng mía nguyên liệu đang tiếp tục được mở rộng sẽ cải thiện kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được lập trên cơ sở giả định liên tục là phù hợp và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn được đảm bảo.

Thông tin về Công ty con của Công ty:

Công ty có 01 công ty con là Công ty TNHH MTV Điện sinh khối mía đường Tuyên Quang, được thành lập tại tỉnh Tuyên Quang với lĩnh vực hoạt động là sản xuất điện sinh khối. Từ khi được thành lập cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, công ty con vẫn chưa hoạt động và Công ty cũng chưa góp vốn vào công ty con này.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho các hộ nông dân trồng mía vay dưới hình thức cung cấp mía giống, phân bón, thuốc trừ sâu và cho vay mua ô tô máy cày.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, lãi chậm trả tiền hàng, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNGThôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3 . TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	731.679.830	420.927.130
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.344.435.801	433.473.032
	18.076.115.631	854.400.162

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	-	-	5.206.648.729	-
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	-	-	5.206.648.729	-
<i>Bên khác</i>	15.068.310.716	(2.919.559.619)	17.774.067.429	(2.463.412.046)
Đại lý Lương Thị Bắc	467.641.000	-	1.535.741.000	-
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.877.098.537	-	9.121.636.191	-
Phạm Hung Long	2.792.830.000	-	646.730.000	-
Phải thu khách hàng khác	4.930.741.179	(2.919.559.619)	6.469.960.238	(2.463.412.046)
	15.068.310.716	(2.919.559.619)	22.980.716.158	(2.463.412.046)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	5.540.843.562	-	5.540.843.562	-
Công ty Thương mại tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	5.540.843.562	-	5.540.843.562	-
<i>Bên khác</i>	5.035.841.399	(957.402.655)	4.979.014.367	(943.065.644)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Miền Bắc	2.488.108.520	-	2.488.108.520	-
Trả trước cho người bán khác	2.547.732.879	(957.402.655)	2.490.905.847	(943.065.644)
	10.576.684.961	(957.402.655)	10.519.857.929	(943.065.644)

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	41.144.161.669	(3.610.807.484)	40.004.094.063	32.813.271.432	48.334.984.300	(3.601.250.489)
- Cho nông dân vay đầu tư vùng nguyên liệu (*)	41.144.161.669	(3.610.807.484)	40.004.094.063	32.813.271.432	48.334.984.300	(3.601.250.489)
	41.144.161.669	(3.610.807.484)	40.004.094.063	32.813.271.432	48.334.984.300	(3.601.250.489)

(*) Đây là khoản cho vay dưới hình thức cung cấp mía giống, phân bón, thuốc trừ sâu và cho vay mua ô tô máy cày cho các hộ nông dân trồng mía, vốn và lãi đầu tư được thu hồi qua việc đối trừ với sản phẩm mía nguyên liệu thu mua từ hộ nông dân. Lãi suất khoản đầu tư được tính bằng lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm đầu tư (riêng khoản đầu tư phân bón - hữu cơ khoáng là sản phẩm do Công ty sản xuất nên không tính lãi).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNGThôn-Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.419.200	-	168.404.533	-
Tạm ứng	627.644.995	-	180.066.874	-
Phải thu khác	405.345.138	(333.285.123)	421.624.467	(304.170.450)
	1.035.409.333	(333.285.123)	770.095.874	(304.170.450)
Chi tiết theo đối tượng				
Phạm Thị Hiền	392.565.261	-	89.277.991	-
Các đối tượng khác	642.844.072	(304.170.450)	680.817.883	(304.170.450)
	1.035.409.333	(304.170.450)	770.095.874	(304.170.450)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công nợ đầu tư mía vùng Sơn Dương, Tuyên Quang	1.889.782.799	-	1.889.782.799	-
- Công nợ đầu tư mía vùng Hàm Yên, Tuyên Quang	1.738.309.800	-	1.738.309.800	-
- Các khoản khác	4.781.487.342	598.082.055	4.595.097.481	901.734.456
	8.409.579.941	598.082.055	8.223.190.080	901.734.456

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.928.830.498	-	19.507.639.593	-
Công cụ, dụng cụ	168.130.575	-	194.038.438	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.326.000.009	-	329.493.991	-
Thành phẩm	44.610.992.210	-	93.282.925	-
Hàng hoá	18.257.616	-	117.211.326	-
	72.052.210.908	-	20.241.666.273	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	224.128.316.935	978.923.752.525	10.936.272.434	417.662.863	1.214.406.004.757
Số dư cuối năm	224.128.316.935	978.923.752.525	10.936.272.434	417.662.863	1.214.406.004.757
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	136.369.566.018	538.990.588.859	10.824.714.907	364.593.538	686.549.463.322
- Khấu hao trong năm	8.259.786.633	51.572.381.778	26.099.625	10.439.850	59.868.707.886
Số dư cuối năm	144.629.352.651	590.562.970.637	10.850.814.532	375.033.388	746.418.171.208
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	87.758.750.917	439.933.163.666	111.557.527	53.069.325	527.856.541.435
Tại ngày cuối năm	79.498.964.284	388.360.781.888	85.457.902	42.629.475	467.987.833.549

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 205.407.477.176 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 203.184.074.872 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON DƯƠNGThôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.147.310.834	455.000.000	8.602.310.834
Số dư cuối năm	8.147.310.834	455.000.000	8.602.310.834
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.624.617.767	455.000.000	2.079.617.767
- Khấu hao trong năm	156.971.332	-	156.971.332
Số dư cuối năm	1.781.589.099	455.000.000	2.236.589.099
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6.522.693.067	-	6.522.693.067
Tại ngày cuối năm	6.365.721.735	-	6.365.721.735

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 455.000.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn Nhà máy đường Sơn Dương	4.713.511.589	-
Chi phí sửa chữa lớn Nhà máy Điện sinh khối mía đường Tuyên Quang	173.391.999	-
	4.886.903.588	-
b) Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng Nhà máy điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang (*)	2.640.000.000	2.700.000.000
	2.640.000.000	2.700.000.000

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng Nhà máy điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang phân bổ với thời gian 50 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	175.419.994.376	175.419.994.376	193.341.718.416	193.341.718.416
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	116.384.685.320	116.384.685.320	116.384.685.320	116.384.685.320
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	5.406.264.788	5.406.264.788	5.406.264.788	5.406.264.788
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	6.548.728.947	6.548.728.947	6.495.404.189	6.495.404.189
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	47.080.315.321	47.080.315.321	65.055.364.119	65.055.364.119
Bên khác	47.942.852.687	47.942.852.687	15.600.538.072	15.600.538.072
Phải trả người bán mía và các dịch vụ mía khác	33.818.869.472	33.818.869.472	1.118.790.087	1.118.790.087
Phải trả nhà cung cấp khác	14.123.983.215	14.123.983.215	14.481.747.985	14.481.747.985
	223.362.847.063	223.362.847.063	208.942.256.488	208.942.256.488
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	116.384.685.320	116.384.685.320	116.384.685.320	116.384.685.320
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	47.080.315.321	47.080.315.321	65.055.364.119	65.055.364.119
Phải trả các đối tượng khác	16.662.542.089	16.662.542.089	21.917.020.211	21.917.020.211
	180.127.542.730	180.127.542.730	203.357.069.650	203.357.069.650

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	62.297.006.271	2.808.571.358
Công ty Cổ phần Bía Rượu Nước giải khát Vigor	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	-	808.571.358
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	57.297.006.271	-
	3.000.000.000	-
<i>Bên khác</i>		
Công ty TNHH Đức Lộc	20.600.795.473	14.033.695.074
Công ty Sản xuất Thương mại Hải Hà (TNHH)	2.063.900.000	3.534.949.008
Trần Thị Tiến	3.702.143.151	4.000.000.000
Người mua khác trả tiền trước	3.228.821.918	3.000.000.000
	11.605.930.404	3.498.746.066
	82.897.801.744	16.842.266.432

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	844.065.659	9.996.124.288	9.772.468.345	1.067.721.602
Thuế thu nhập cá nhân	-	87.229.797	15.918.195	15.918.195	87.229.797
Thuế tài nguyên	-	4.575.960	78.929.910	41.356.710	42.149.160
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	207.349.574	207.349.574	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	37.109.550	37.109.550	-
	-	935.871.416	10.342.431.517	10.081.202.374	1.197.100.559

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNGThôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả các ngân hàng	138.453.497.854	120.736.338.506
	138.453.497.854	120.736.338.506

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ số dư chi phí lãi vay phải trả đều đã quá hạn thanh toán.

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	671.036.056	519.468.425
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.344.534.950	3.344.534.950
- Phải trả lãi vay, trong đó:	40.799.368.598	40.442.473.476
+ Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	37.916.296.142	37.916.296.142
+ Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	1.475.237.357	1.118.342.235
+ Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	1.407.835.099	1.407.835.099
- Phải trả Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần tiền lãi chậm trả công nợ dự án điện sinh khối và công nợ mua vật tư	28.546.594.618	28.546.594.618
- Phải trả Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tiền lãi chậm trả công nợ mua vật tư	1.766.251.982	1.766.251.982
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.737.656.573	1.595.436.807
	77.865.442.777	76.214.760.258
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.344.534.950	3.344.534.950
- Phải trả lãi vay	40.799.368.598	40.442.473.476
- Lãi chậm trả	30.312.846.600	28.546.594.618
	74.456.750.148	72.333.603.044
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	3.174.087.081	3.174.087.081
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	1.475.237.357	1.118.342.235
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty cổ phần	66.462.890.760	66.462.890.760
	71.112.215.198	70.755.320.076

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON DƯƠNG
Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

18 . VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	154.187.696.873	154.187.696.873	-	20.450.000.000	133.737.696.873	133.737.696.873
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (1)	51.197.981.879	51.197.981.879	-	7.550.000.000	43.647.981.879	43.647.981.879
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (2)	50.054.741.631	50.054.741.631	-	12.900.000.000	37.154.741.631	37.154.741.631
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần (3)	4.449.000.000	4.449.000.000	-	-	4.449.000.000	4.449.000.000
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần (4)	48.485.973.363	48.485.973.363	-	-	48.485.973.363	48.485.973.363
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	81.795.741.396	81.795.741.396	14.808.000.000	13.426.000.000	83.177.741.396	83.177.741.396
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (5)	14.808.000.000	14.808.000.000	14.808.000.000	9.876.000.000	19.740.000.000	19.740.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (6)	23.854.246.000	23.854.246.000	-	3.550.000.000	20.304.246.000	20.304.246.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (7)	43.133.495.396	43.133.495.396	-	-	43.133.495.396	43.133.495.396
	235.983.438.269	235.983.438.269	14.808.000.000	33.876.000.000	216.915.438.269	216.915.438.269

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (5)	46.920.000.000	46.920.000.000	-	9.876.000.000	37.044.000.000	37.044.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (6)	23.854.246.000	23.854.246.000	-	3.550.000.000	20.304.246.000	20.304.246.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (7)	43.133.495.396	43.133.495.396	-	-	43.133.495.396	43.133.495.396
- Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần (8)	106.551.000.000	106.551.000.000	-	-	106.551.000.000	106.551.000.000
	<u>220.458.741.396</u>	<u>220.458.741.396</u>	<u>-</u>	<u>13.426.000.000</u>	<u>207.032.741.396</u>	<u>207.032.741.396</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(81.795.741.396)	(81.795.741.396)	(14.808.000.000)	(13.426.000.000)	(83.177.741.396)	(83.177.741.396)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>138.663.000.000</u>	<u>138.663.000.000</u>			<u>123.855.000.000</u>	<u>123.855.000.000</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc tại 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
5	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang				37.044.000.000	19.740.000.000		
	Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐTDDTSD - BS - NHPT ngày 30/12/2017	105.000.000.000	8,55%/năm tại thời điểm ký hợp đồng. Lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể tại Bảng kê rút vốn vay và khế ước nhận nợ vay	114 tháng	37.044.000.000	19.740.000.000	Thanh toán chi phí xây dựng, thiết bị của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện sinh khối mía đường Tuyên Quang công suất 25MW	Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ mục đích vay và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ
6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang				20.304.246.000	20.304.246.000		
	Hợp đồng tín dụng số LAV 201200864/HĐTD ngày 14/08/2012 và phụ lục hợp đồng số 1002015/PLHĐ ngày 31/03/2015	100.000.000.000	Lãi suất cho vay cụ thể của từng món vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất quy định hiện hành của Ngân hàng	120 tháng	20.304.246.000	20.304.246.000	Đầu tư giai đoạn I công suất 2.000 TMN, hạng mục xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng và 1 phần chi phí kiến thiết cơ bản khác để thực hiện di chuyển, xây dựng nhà máy đường Tuyên Quang công suất 4.000 TMN có tính đến mở rộng lên 6.000 TMN	Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ mục đích vay và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ
7	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang				43.133.495.396	43.133.495.396		
	Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4643981/HĐTĐ ngày 09/03/2017	120.000.000.000	10,8%/năm tại thời điểm ký hợp đồng. Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư thông thường kỳ hạn 12 tháng trả sau cộng (+) biên độ tối thiểu 4,0%/năm	60 tháng	43.133.495.396	43.133.495.396	Thanh toán chi phí xây dựng, chi phí thiết bị và các chi phí khác để đầu tư nâng công suất nhà máy đường Tuyên Quang lên 6.000 TMN thực hiện giai đoạn I nâng công suất lên 4.000 TMN	Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ mục đích vay và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc tại 31/12/2024 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
8	Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần				106.551.000.000	-		
8.1	Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 10/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016 và Phụ lục số 01 ngày 01/01/2021	30.000.000.000	Lãi suất 8%/năm tính từ ngày 01/01/2021 đến hết thời hạn cho vay, nếu có thay đổi lãi suất thì hai bên sẽ thông nhất bằng văn bản	60 tháng kể từ ngày 01/07/2021	30.000.000.000	-	Phục vụ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty	Tin chấp
8.2	Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 11/2016-ĐSD&TCT.MĐI ngày 20/06/2016 và Phụ lục số 01 ngày 01/01/2021	56.551.000.000	Lãi suất 8%/năm tính từ ngày 01/01/2021 đến hết thời hạn cho vay, nếu có thay đổi lãi suất thì hai bên sẽ thông nhất bằng văn bản	60 tháng kể từ ngày 01/07/2021	56.551.000.000	-	Phục vụ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty	Tin chấp
8.3	Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 13/2019-ĐSD&TCT.MĐI ngày 01/07/2019	20.000.000.000	Lãi suất 8%/năm trong 6 tháng đầu, cứ 6 tháng điều chỉnh 1 lần dựa trên lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tuyên Quang cho vay đối với Doanh nghiệp chế biến nông sản	60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và các phụ lục gia hạn	20.000.000.000	-	Phục vụ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty	Tin chấp
	Tổng cộng				207.032.741.396	83.177.741.396		

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số gốc vay dài hạn của Công ty đã quá hạn thanh toán là 63.437.741.396 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

d) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần (1)	155.036.973.363	37.916.296.142	155.036.973.363	37.916.296.142
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (2)	-	1.407.835.099	-	1.407.835.099
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần (3)	4.449.000.000	1.475.237.357	4.449.000.000	1.118.342.235
	<u>159.485.973.363</u>	<u>40.799.368.598</u>	<u>159.485.973.363</u>	<u>40.442.473.476</u>

Mối quan hệ:

(1) Công ty mẹ

(2) Công ty liên kết của Công ty mẹ

(3) Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU					
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	128.449.740.000	(314.470.000)	117.087.000.000	(309.427.663.195)	(64.205.393.195)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(113.732.743.059)	(113.732.743.059)
Số dư cuối năm trước	128.449.740.000	(314.470.000)	117.087.000.000	(423.160.406.254)	(177.938.136.254)
Số dư đầu năm nay	128.449.740.000	(314.470.000)	117.087.000.000	(423.160.406.254)	(177.938.136.254)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(58.102.919.494)	(58.102.919.494)
Số dư cuối năm nay	128.449.740.000	(314.470.000)	117.087.000.000	(481.263.325.748)	(236.041.055.748)
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ	
	VND	(%)	VND	(%)	
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	79.881.340.000	62,19	79.881.340.000	62,19	
Ông Hứa Kim Ngọc	10.000.000.000	7,79	10.000.000.000	7,79	
Ông Vũ Quốc Vương	7.783.550.000	6,06	7.783.550.000	6,06	
Các cổ đông khác	30.784.850.000	23,96	30.784.850.000	23,96	
	128.449.740.000	100	128.449.740.000	100	

31

CH

NC

PH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	128.449.740.000	128.449.740.000
- Vốn góp cuối năm	128.449.740.000	128.449.740.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	3.344.534.950	3.344.534.950
- Cổ tức còn phải trả cuối năm	3.344.534.950	3.344.534.950

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.844.974	12.844.974
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.844.974	12.844.974
- Cổ phiếu phổ thông	12.844.974	12.844.974
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.844.974	12.844.974
- Cổ phiếu phổ thông	12.844.974	12.844.974
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	117.087.000.000	117.087.000.000
	117.087.000.000	117.087.000.000

26 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	17.511.800	17.511.800
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	17.511.800	17.511.800

21 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

Vị trí đất thuê	Diện tích (m ²)	Thời gian thuê
Xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang	76.147,0	Đến năm 2045
Xã Bình Xa, tỉnh Tuyên Quang	94.716,5	Đến năm 2060
Xã Bình Xa, tỉnh Tuyên Quang	5.500,0	Đến năm 2067

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm	225.028.845.270	150.806.728.809
Doanh thu bán điện	24.301.042.928	13.648.535.317
Doanh thu bán hàng hóa	136.205.236	1.732.563.489
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.933.889	65.775.636
	249.483.027.323	166.253.603.251
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	123.520.328.573	101.315.358.095

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	30.760.000
	-	30.760.000

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	186.585.228.072	134.200.032.539
Giá vốn điện đã bán	22.902.445.734	19.981.611.954
Giá vốn của hàng hóa đã bán	132.250.695	1.679.892.977
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	58.386.775.143	61.332.613.007
	268.006.699.644	217.194.150.477

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

Tổng giá trị mua vào:

40.567.320.571	25.993.335.066
----------------	----------------

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	626.822.053	576.340.702
	626.822.053	576.340.702

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.589.288.202	42.930.817.789
Lãi chậm trả, lãi nhận ứng trước tiền hàng	305.315.069	11.286.891.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	175.711.230	-
	27.070.314.501	54.217.708.858

Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

356.895.122	24.137.484.296
-------------	----------------

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.769.244	56.239.902
Chi phí nhân công	516.987.379	349.846.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.027.578	50.027.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	681.566.745	-
	1.342.350.946	456.113.902

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNGThôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	327.565.495	190.080.309
Chi phí nhân công	5.729.815.079	3.007.872.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	344.174.531	370.134.673
Thuế, phí, lệ phí	326.615.225	412.962.578
Chi phí dự phòng	490.042.262	276.434.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	376.632.155	456.856.455
Chi phí khác bằng tiền	4.246.649.601	4.011.966.871
	11.841.494.348	8.726.307.102

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tiền phạt thu được	11.631.807	-
Lãi phạt, lãi chậm trả được xóa nợ	296.979.626	-
Thu nhập khác	113.813.839	74.302.661
	422.425.272	74.302.661

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	351.077.293	3.499.219
Chi phí khác	23.257.410	8.450.115
	374.334.703	11.949.334

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(58.102.919.494)	(113.732.743.059)
Các khoản điều chỉnh tăng	65.060.156.701	91.039.542.907
- Chi phí không hợp lệ	47.448.831.143	48.685.065.820
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	17.611.325.558	42.354.477.087
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.957.237.207)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(6.957.237.207)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(22.693.200.152)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(58.102.919.494)	(113.732.743.059)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(58.102.919.494)	(113.732.743.059)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.844.974	12.844.974
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.523)	(8.854)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	228.051.013.976	105.692.687.220
Chi phí nhân công	23.164.559.141	16.739.013.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.025.679.218	60.355.433.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.362.274.777	10.700.559.744
Chi phí dự phòng	490.042.262	276.434.053
Chi phí khác bằng tiền	7.478.940.172	7.343.681.585
	330.572.509.546	201.107.809.859

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNGThôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	17.344.435.801	-	-	17.344.435.801
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.850.875.307	-	-	12.850.875.307
Các khoản cho vay	44.733.733.811	-	-	44.733.733.811
	74.929.044.919	-	-	74.929.044.919
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	433.473.032	-	-	433.473.032
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.983.229.536	-	-	20.983.229.536
Các khoản cho vay	37.533.354.185	-	-	37.533.354.185
	58.950.056.753	-	-	58.950.056.753

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	216.915.438.269	123.855.000.000	-	340.770.438.269
Phải trả người bán, phải trả khác	301.228.289.840	-	-	301.228.289.840
Chi phí phải trả	138.453.497.854	-	-	138.453.497.854
	656.597.225.963	123.855.000.000	-	780.452.225.963
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	235.983.438.269	138.663.000.000	-	374.646.438.269
Phải trả người bán, phải trả khác	285.157.016.746	-	-	285.157.016.746
Chi phí phải trả	120.736.338.506	-	-	120.736.338.506
	641.876.793.521	138.663.000.000	-	780.539.793.521

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG
Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất đường, mật ri, phân hữu cơ khoáng VND	Hoạt động sản xuất điện sinh khối VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	225.028.845.270	24.301.042.928	153.139.125	249.483.027.323
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(5.065.011.337)	(13.479.549.414)	20.888.430	(18.523.672.321)
Tài sản bộ phận	333.374.489.275	264.944.729.030	-	598.319.218.305
Tài sản không phân bổ				40.893.458.530
Tổng tài sản	333.374.489.275	264.944.729.030	-	639.212.676.835
Nợ phải trả bộ phận	298.046.153.777	173.065.625.510	176.503.232	471.288.282.519
Nợ phải trả không phân bổ				403.947.938.264
Tổng nợ phải trả	298.046.153.777	173.065.625.510	176.503.232	875.236.220.783
Theo khu vực địa lý				

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bía Rượu Nước giải khát Viger	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm 19/5	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Điện sinh khối Mía đường Tuyên Quang	Công ty con
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	123.520.328.573	101.315.358.095
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	123.520.328.573	101.315.358.095
Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ	40.567.320.571	25.993.335.066
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	40.567.320.571	25.993.335.066
Chi phí tài chính về lãi vay vốn, lãi chậm trả	356.895.122	24.137.484.296
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	-	22.015.312.315
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía đường I - Công ty Cổ phần	356.895.122	355.919.999
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu	-	1.766.251.982

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:	1.000.534.126	884.725.398
Ông Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch Hội đồng quản trị	300.000	15.600.000
Ông Nguyễn Hồng Minh - Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	393.654.984	335.202.817
Bà Trần Thị Lệ Châm - Ủy viên Hội đồng quản trị	300.000	12.600.000
Ông Ngụy Như Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	305.225.539	264.504.130
Ông Hoàng Đức Thắng - Phó Tổng Giám đốc	301.053.603	256.818.451
Thu nhập của các thành viên trong Ban Kiểm soát	300.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có sổ dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

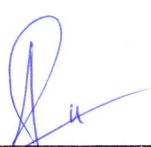
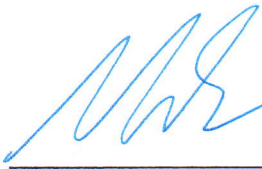
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN DƯƠNG

Thôn Trại Mít, xã Trường Sinh,
tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
_____ Tổng Xuân Dũng Người lập	_____ Nguyễn Tiến Thành Kế toán trưởng	_____ Nguyễn Hồng Minh Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 09 năm 2025

